TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ - ST
Ngày 28-8-2025
V/v tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thạo.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Ngọc Luân.
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Quang Tất-Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5-Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Ngô Đức Đạt-Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2025/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 về "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST - HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị M, sinh ngày 23/10/1984; số định danh cá nhân: 035184005989; nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường Đ, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố L, phường H, tỉnh Ninh Bình); có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Dương Văn T, sinh ngày 08/8/1978; số định danh cá nhân: 035078009259; nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường Đ, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố L, phường H, tỉnh Ninh Bình); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị M trình bày: Chị kết hôn với anh Dương Văn T trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 01/3/2002 tại UBND xã Đồng Hoá, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường Lê Hồ, tỉnh Ninh Bình). Sau ngày kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên cờ bạc, rượu chè, nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác,

chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không những không thay đổi mà thường xuyên chửi bới đánh đập chị, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 02/2025 đến nay. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Văn T.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Dương Văn T trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa anh với chị Trần Thị M và thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như chị M đã trình bày. Còn thời điểm phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng là từ đầu tháng 02/2025 đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị M đi làm công ty về đến nhà thường có thái độ lạnh nhạt với anh và không quan tâm đến anh. Nay chị M xin ly hôn, anh T không nhất trí ly hôn vì anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị M vẫn còn, anh muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Chị M và anh T thống nhất xác định vợ chồng anh chị có 05 con chung là Dương Thị Th, sinh năm 2003; Dương Thị Tuyết Ng, sinh năm 2004; Dương Thị Quỳnh N, sinh ngày 18/02/2007; Dương Anh T1, sinh ngày 19/10/2012; Dương Văn D, sinh ngày 07/7/2014. Hiện nay các cháu Th, Ng, N đều đã đủ 18 tuổi và lao động tự lập nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu T1 và cháu D chưa đủ 18 tuổi. Quan điểm của chị M và anh T đều xin được nuôi dưỡng cả hai cháu T1, D và không yêu cầu bên kia góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, anh T cũng xác định nếu cháu T1 và cháu D có nguyện vọng ở với chị M thì anh cũng nhất trí.

Về con riêng: Chị M và anh T đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị M và anh T thống nhất không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M. Xử ly hôn giữa chị Trần Thị M và anh Dương Văn T. Về con chung: Giao cháu Dương Anh T1 và cháu Dương Văn D cho chị M trực tiếp trông nom, căm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn là anh Dương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị M và anh Dương Văn T là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 01/3/2002 tại UBND xã Đồng Hoá, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường Lê Hồ, tỉnh Ninh Bình). Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên ham chơi cờ bạc, hay sa đà rượu chè và hay nghi ngờ chị M có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, nặng nề. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh T. Còn anh T mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra và anh chị đã ly thân nhau là thực tế. Như vậy, chứng tỏ hôn nhân giữa chị M và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho chị M được ly hôn anh T là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị M và anh T có 05 con chung là Dương Thị Th, sinh năm 2003; Dương Thị Tuyết Ng, sinh năm 2004; Dương Thị Quỳnh N, sinh ngày 18/02/2007; Dương Anh T1, sinh ngày 19/10/2012; Dương Văn D, sinh ngày 07/7/2014. Hiện nay cháu Th, cháu Ng, cháu N đều đã đủ 18 tuổi và lao động tự lập, anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Còn cháu T1 và cháu D chưa đủ 18 tuổi, tại lời khai của các cháu đều có quan điểm xin được ở với mẹ. Xét thấy anh T thường xuyên uống rượu say rồi mắng chửi các con, ảnh hưởng không tốt đến tâm lý và sự phát triển của các con; chị M có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị M, giao cho chị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và cháu Dg, anh T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị M là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con riêng:* Chị M và anh T không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp:* Chị M và anh T cùng thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị M và anh Dương Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Anh T1, sinh ngày 19/10/2012 và cháu Dương Văn D, sinh ngày 07/7/2014 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị M.

Chị M cùng các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Trần Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000286 ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (Chị M đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị M biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Lê Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Thạo